

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Kiểm Dịch Thực Vật và Dịch Hại Sau Thu Hoạch

(Plant Quarantine and Postharvest Pests)

- Mã số học phần : NS306

- Số tín chỉ học phần : 2 tín chỉ

- Số tiết học phần : 15 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành, 5 tiết tự học.

2. Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Bảo Vệ Thực Vật

3. Điều kiện tiên quyết: NS301, NS302

4. Mục tiêu của học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dịch hại sau thu hoạch và đối tượng kiểm dịch thực vật (KDTV) của Việt Nam.

4.1. Kiến thức:

4.1.1. Nhận dạng, phân loại được các đối tượng KDTV và dịch hại sau thu hoạch

4.1.2. Con đường lan truyền của đối tượng KDTV

4.1.3. Giải pháp phòng trừ

4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Phát hiện các đối tượng KDTV và dịch hại sau thu hoạch

4.2.2. Đưa ra giải pháp phòng trị kịp thời, ngăn chặn đối tượng ngoại lai.

4.3. Thái độ:

Đủ năng lực, tự tin khi làm việc tại các cơ quan kiểm dịch thực vật, các công ty kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản, tập huấn bảo quản kho vựa, nghiên cứu khoa học...

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Đặc tính cơ bản, cơ sở khoa học của KDTV, danh mục đối tượng KDTV của Việt Nam, các biện pháp phòng trừ tổng hợp.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết:

Chương	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1: Mục đích, ý nghĩa, nội dung của KDTV		1	
	1.1: Nguồn gốc và khái niệm về KDTV		2.1
	1.2: Tầm quan trọng của KDTV		2.4
	1.3: Đặc tính của KDTV Việt Nam		3.1, 3.2, 3.3
Chương 2: Cơ sở khoa học của KDTV		4	
	2.1: Khái niệm chung		1.1
	2.2: Sự phân bố của sinh vật hại trong tự nhiên		3.3
	2.3: Sự lây lan của sinh vật gây hại do con người		3.3
	2.4: Tính nguy hại của sinh vật sau khi xâm nhập vào vùng mới		3.3
Chương 3: Danh mục đối tượng KDTV của Việt Nam		4	
	3.1: Khái niệm chung		3.2, 3.3
	3.2: Nội dung danh mục đối tượng KDTV của Việt Nam		4.1
	3.3: Tình hình diễn biến đối tượng KDTV của Việt Nam		4.1
Chương 4: Đặc điểm một số đối tượng KDTV phổ biến		4	
	4.1: Định nghĩa		4.2
	4.2: Đặc điểm hình thái, sinh học, sinh thái của một số đối tượng KDTV		5.1
Chương 5: Biện pháp phòng trừ dịch hại KDTV		2	
	5.1: Đặc điểm biện pháp xử lý trong KDTV		5.2
	5.2: Các biện pháp diệt trừ trong KDTV		5.3, 5.4
	5.3: Xử lý diệt trừ sâu hại KDTV		Bài 3: Thực hành
	5.4: Xử lý diệt trừ bệnh hại KDTV		Bài 3: Thực hành
Tự học: Tự học nhóm		5	
6.2. Thực hành			
-Bài 1: Suu tập bộ mẫu dịch hại sau thu hoạch		5	
-Côn trùng bộ cánh cứng			

- Côn trùng bộ cánh vảy
- Côn trùng bộ nửa cứng
- Bệnh do nấm
- Bệnh do vi khuẩn
- Bệnh do vi rút
- Bệnh do tuyến trùng
- Cỏ dại

-Bài 2: Đánh giá xử lý dịch hại kho bằng biện pháp hóa học 5

- Mọt gạo
- Mọt bắp
- Mọt đậu xanh
- Mọt khuôn đen
- Mọt thóc đỏ

Bài 3: Thực hành CD “GRAIN STORAGE TUTOR Ver. 5.0” 10

- Giới thiệu
- Thiệt hại
- Sinh thái
- Phân loại
- Các loài phổ biến
- Phòng trừ

7. Phương pháp giảng dạy:

Các chương lý thuyết và thực hành được xếp theo trình tự liên quan chặt chẽ với nhau, phần thực hành dạy sau lý thuyết vài tuần. Sinh viên bám sát vào bài giảng, có thể đọc thêm các thông tin khác ở phần tài liệu tham khảo.

- Phương pháp giảng dạy truyền thống gồm giáo trình, bảng, phấn...
- Phương pháp hiện đại sử dụng máy chiếu LCD, máy tính, chiếu phim tư liệu video, seminar thảo luận nhóm.
- Thực hành tập trung vào thao tác kỹ thuật và sử dụng thiết bị hiện đại, CD-ROM.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm thực tập	- Báo cáo kỹ xảo thực hành - Tham gia 100% số giờ	20%	Bài 1 Bài 2 Bài 3
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi viết hoặc trắc nghiệm (10 phút)	10%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết/trắc nghiệm (60 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	70%	

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu

Số đăng ký cá biệt

1.Cục Bảo Vệ Thực Vật, 2006. Qui định quốc tế về kiểm dịch thực vật, 86 trang. Tài liệu nội bộ.

2.Cục Bảo Vệ Thực Vật, 1997. Dịch hại kiểm dịch thực vật Việt Nam, 123 trang. NXB Nông Nghiệp.

3.Hà Quang Trung, 2005. Giáo trình kiểm dịch thực vật, 121 trang. NXB Nông Nghiệp.

11. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương 1: Mục đích, ý nghĩa, nội dung của KDTV	1	0	-Nghiên cứu trước: Nội dung từ mục 1.1 đến 1.3
2,3	Chương 2: Cơ sở khoa học của KDTV	1	0	-Nghiên cứu trước: Nội dung từ mục 2.1 đến 2.4
4	Chương 3: Danh mục đối tượng KDTV của Việt Nam	1	0	-Nghiên cứu trước: Nội dung từ mục 3.1 đến 3.3
5, 6	Chương 4: Đặc điểm một số đối tượng KDTV phổ biến	1	0	-Nghiên cứu trước: Nội dung từ mục 4.1 đến 4.2
7	Chương 5: Biện pháp phòng trừ dịch hại KDTV	1	0	-Nghiên cứu trước: Nội dung từ mục 5.1 đến 5.4

Cần Thơ, ngày tháng 4 năm 2014

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA/GIÁM ĐỐC VIỆN/
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

TRƯỞNG BỘ MÔN